

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính trọng tâm
giai đoạn 2026 - 2030 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Kết luận số 656-KL/ĐU ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Kế hoạch cải cách hành chính trọng tâm giai đoạn 2026-2030 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước cấp cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ;
- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ;
- Lưu: VT, TCCB. MP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030

của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện toàn diện, đồng bộ đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 và Quyết định 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030; xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

- Tập trung hoàn thiện thể chế, đổi mới tổ chức bộ máy nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

- Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và trí tuệ nhân tạo trong quản lý, điều hành; xây dựng nền hành chính số, công khai, minh bạch, hiện đại, góp phần phát triển ngành nông nghiệp và môi trường nhanh, bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị; tăng cường đổi mới sáng tạo, hành động quyết liệt nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp và môi trường.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể

- Giai đoạn 2026-2027:

+ Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung hệ thống thể chế về tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, bảo đảm cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ, ổn định, hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả từ Trung ương đến cơ sở.

+ Hoàn thiện thể chế, chính sách về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm kịp thời, đúng chủ trương của Đảng.

+ Hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, trường học, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ.

+ 100% các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường phục vụ Chính phủ số được hoàn thành và đưa vào sử dụng thống nhất từ trung ương đến địa phương theo đúng kế hoạch.

+ 100% các đơn vị trực thuộc Bộ đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

+ 100% thủ tục hành chính do Bộ thực hiện có đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

+ Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.

+ 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Giai đoạn 2028-2030:

+ Xây dựng hệ thống thể chế lĩnh vực nông nghiệp và môi trường công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch và khả thi.

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, chất lượng cao, cơ cấu hợp lý, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ mới.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%.

+ Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 90%.

+ Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt 80%.

+ 100% đơn vị trực thuộc Bộ đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

+ 100% cơ quan, đơn vị cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn.

+ Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thuộc Bộ (*Chỉ số SIPAS*) đạt tối thiểu 95%.

3. Yêu cầu

- Tiếp tục xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và là động lực nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của Bộ và toàn ngành nông nghiệp và môi trường; triển khai đồng bộ, toàn diện, thực chất các nhiệm vụ cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; người dân là trung tâm, chủ thể, là mục tiêu của cải cách, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

- Đề cao, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; đẩy mạnh phong trào thi đua, nhân rộng mô hình, cách làm hiệu quả; gắn kết quả thực hiện cải cách hành chính với công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, cá nhân tại Bộ.

- Kế thừa và phát huy những kinh nghiệm tốt trong cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị giai đoạn vừa qua. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, huy động hiệu quả các nguồn lực về vốn, tri thức và công nghệ hỗ trợ cho quá trình cải cách hành chính của ngành.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và tăng cường huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ cải cách hành chính; xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, công khai, minh bạch, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1 Cải cách thể chế

a) Tiếp tục đột phá xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, bất cập pháp lý, thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững; tăng cường hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, hoàn thiện cơ chế thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán tạo môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định.

Chủ động rà soát, xác định những vướng mắc, bất cập do quy định của pháp luật đang được xử lý tạm thời liên quan đến phân cấp, phân quyền, sắp xếp tổ chức bộ máy; xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ tránh phát sinh khoảng trống pháp lý, ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về nông nghiệp và môi trường và hoạt động của người dân, doanh nghiệp.

b) Tiếp tục rà soát và nâng cao chất lượng danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện; cắt giảm, đơn giản hoá thực chất điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, chồng chéo, không cụ thể, không rõ ràng; bãi bỏ các điều kiện đầu tư kinh doanh không còn phù hợp theo quy định pháp luật, đổi mới phương thức quản lý theo hướng chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm, gắn với công bố điều kiện kinh doanh theo quy định. Đẩy mạnh cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; áp dụng mô hình quản trị hiện đại, công nghệ tiên tiến theo thông lệ quốc tế. Ưu tiên khơi thông và huy động hiệu quả các nguồn lực về vốn, đất đai, hạ tầng và nhân lực chất lượng cao, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập.

c) Tạo đột phá trong tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra (*bao gồm cả kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa*), giảm gánh nặng cho doanh nghiệp.

d) Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng, nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo hướng khoa học, hiện đại, chuyên nghiệp; tăng cường tham vấn ý kiến chuyên gia, tổ chức và người dân, bảo đảm pháp luật minh bạch, nhất quán, ổn định và khả năng dự báo của hệ thống pháp luật; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kiểm điểm trách nhiệm, xử lý nghiêm các đơn vị, cá nhân để xảy ra tình trạng chậm tiến độ, chất lượng văn bản không đảm bảo.

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, hoàn thiện cơ chế thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán; đẩy mạnh công tác hướng dẫn thi hành và tăng cường truyền thông, phổ biến chính sách, pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, bảo đảm pháp luật đi vào cuộc sống hiệu quả, thiết thực.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính trong quá trình xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, nhất là các thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải thực sự cần thiết và đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

b) Đẩy mạnh thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và chuyển đổi sang quản trị dựa trên dữ liệu.

Tiếp tục rà soát, đề xuất loại bỏ các thủ tục hành chính rườm rà, chồng chéo, cắt giảm các thành phần hồ sơ không cần thiết, tích hợp và đơn giản hóa mẫu đơn, tờ khai, giấy tờ chứng thực, giảm tối đa các thông tin trùng lặp trên cơ sở khai thác hiệu quả dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bảo đảm không phát sinh thủ tục, quy định không phù hợp, thiếu tính khả thi theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

Tập trung hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy định pháp luật nhằm thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân và các thành phần kinh tế nhà nước theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 và Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị và các nghị quyết khác liên quan đến đầu tư, kinh doanh.

Đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước; thường xuyên rà soát, công bố kịp thời tổ chức thực

hiện phương án đơn giản hóa theo đúng lộ trình; tái cấu trúc quy trình, tăng cường liên thông, chia sẻ dữ liệu, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và năng suất lao động tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

c) Đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công chuyên từ “bị động” sang “chủ động phục vụ”, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, không phụ thuộc vào địa giới hành chính và hoàn toàn dựa trên dữ liệu.

Thường xuyên rà soát, cập nhật, công bố, công khai kịp thời, đầy đủ các thủ tục hành chính theo quy định. Hoàn thiện quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các thủ tục hành chính; tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định của Chính phủ.

Xây dựng, nâng cấp và vận hành có hiệu quả hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, thuận tiện, dễ thực hiện, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và tránh đầu tư trùng lặp.

Tăng cường kiểm tra, giám sát trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của bộ máy mới bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất, rõ ràng, không chồng chéo, thông suốt trong điều hành từ Trung ương đến cơ sở; tiếp tục hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn ngành nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; tiếp tục hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực; chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, trọng tâm vào lĩnh vực đất đai, bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

b) Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách đẩy mạnh phân cấp, phân quyền triệt để gắn liền với cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ; tăng cường công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm giải trình, bảo đảm phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp trong từng cơ quan, đơn vị thuộc ngành theo tiêu chí “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền và mục tiêu “3 dễ”: dễ triển khai thực hiện, dễ kiểm tra và dễ đánh giá.

c) Rà soát, nghiên cứu, đề xuất các phương án thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hoặc ban hành mới các quy định, quy chế, hướng dẫn về công tác cán bộ, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, chặt chẽ, đúng quy định, liên thông trong công tác cán bộ giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức và phù hợp với tình hình thực tế của Bộ, của ngành; xây dựng, hoàn thiện phần mềm quản lý hồ sơ, dữ liệu về công chức, viên chức của Bộ; xây dựng cơ chế theo dõi, đánh giá, sàng lọc thường xuyên, công khai, minh bạch.

b) Rà soát, xây dựng và hoàn thiện vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị bảo đảm đúng người, đúng việc, phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao. Tiếp tục thực hiện chặt chẽ quy định, quy trình trong công tác quy hoạch, luân chuyển, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức; thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc chuyển đổi vị trí công tác theo quy định.

c) Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ; tạo môi trường và điều kiện để cán bộ yên tâm công tác, phát huy năng lực, trách nhiệm, đổi mới sáng tạo và dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung. Có cơ chế đột phá trong phát hiện, thu hút, trọng dụng và phát triển nhân tài, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ khoa học, người có trình độ chuyên môn cao; xây dựng đội ngũ cán bộ ngành nông nghiệp và môi trường có bản lĩnh chính trị, phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển ngành, lĩnh vực trong giai đoạn mới.

d) Đổi mới căn bản công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, định lượng và dựa trên kết quả, hiệu quả thực thi nhiệm vụ; lấy phẩm chất, năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và giá trị tạo ra làm thước đo chủ yếu. Hoàn thiện cơ chế đánh giá gắn với vị trí việc làm, trách nhiệm cá nhân và kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng cửa cơ quan, đơn vị bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, công bằng và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số trong quản lý, theo dõi, đánh giá. Kết quả đánh giá là căn cứ quan trọng để bố trí, sử dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng và sàng lọc đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

đ) Đổi mới toàn diện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo hướng hiện đại, thực chất, lấy vị trí việc làm và khung năng lực làm trung tâm; nâng cao năng lực thực thi công vụ, phẩm chất, tư duy đổi mới sáng tạo và khả năng thích ứng trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, tổ chức hoạt động đào tạo và bồi dưỡng. Xây dựng đội ngũ cán bộ ngành nông nghiệp và môi trường có năng lực làm việc trong môi trường quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại. Đồng thời, phát huy, huy động hiệu quả đội ngũ giảng viên, chuyên gia, nhà khoa học có trình độ, kinh nghiệm tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu thực tiễn và định hướng phát triển của Bộ.

e) Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; xử lý kịp thời, nghiêm minh các tổ chức, cá nhân vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, những nhiều, tiêu cực trong thực thi công vụ. Đồng thời, chú trọng tạo lập môi trường làm việc dân chủ, cạnh tranh, bình đẳng, tạo mọi điều kiện để phát huy trí tuệ, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo.

5. Cải cách tài chính công

a) Rà soát, cập nhật, hoàn thiện quy định về thực hiện cơ chế quản lý tài chính các lĩnh vực nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

b) Tổ chức triển khai có hiệu quả quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước.

c) Hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với lộ trình đổi mới tổ chức và hoạt động đơn vị sự nghiệp công; đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường; chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên.

d) Đẩy mạnh cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách phục vụ quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp nhà nước.

đ) Tổ chức triển khai có hiệu quả các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 và các quy định có liên quan. Triển khai quyết liệt việc bố trí, sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính.

e) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý kế hoạch, đầu tư, tài chính, tài sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ. Sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công, quản lý công tác kế hoạch tài chính và xử lý công việc trên môi trường mạng.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

a) Hoàn thiện hành lang pháp lý, hỗ trợ, xây dựng, phát triển Chính phủ số của Bộ; xây dựng, cập nhật danh mục các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; triển khai, tích hợp trợ lý ảo vào các nền tảng điều hành, tác nghiệp của Bộ, ngành.

b) Tập trung phát triển hạ tầng số, nền tảng số và hệ thống dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường theo hướng tập trung, thống nhất, an toàn; thúc đẩy kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các lĩnh vực và với Trung tâm dữ liệu quốc gia; đẩy mạnh quản lý, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu số. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phát triển nông nghiệp, phòng, chống thiên tai và

thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Tiếp tục quản lý, nâng cấp kho dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các cơ sở dữ liệu dùng chung; tập trung số hóa dữ liệu, phân tích, xử lý, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực đất đai. Hoàn thiện việc đo đạc, thống kê, số hóa, làm sạch hệ thống dữ liệu đất đai trên toàn quốc, kết nối, chia sẻ liên thông với các hệ thống dữ liệu quốc gia khác; thiết lập hệ thống dữ liệu thị trường nông sản, dữ liệu về các nguồn thải, dữ liệu về tài nguyên nước... bảo đảm tiêu chí dữ liệu được lưu, sử dụng “đúng, đủ, sạch, sống, thông nhất, dùng chung”.

Tiếp tục nghiên cứu, ban hành và tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

c) Phát triển hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ; hoàn thiện Trục liên thông văn bản thành nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu số, kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.

d) Thiết lập, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp nâng cao chất lượng phục vụ hướng tới sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ tại Bộ.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành; quyết tâm, quyết liệt trong thực hiện cải cách hành chính.

a) Phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ giai đoạn 2026 - 2030 và Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm đến từng cán bộ, công chức, viên chức để biết và thực hiện.

b) Tổ chức và triển khai các phong trào thi đua thực hiện công tác cải cách hành chính của Bộ; coi kết quả thực hiện cải cách hành chính là một tiêu chí quan trọng để xét thi đua, khen thưởng hàng năm đối với tập thể, cá nhân thuộc Bộ.

c) Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ trực tiếp chỉ đạo xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính của đơn vị.

2. Kiện toàn hệ thống tổ chức, đội ngũ công chức, viên chức làm công tác cải cách hành chính; quan tâm thỏa đáng đối với đội ngũ công chức, viên chức trực tiếp và chuyên trách thực hiện công tác cải cách hành chính của Bộ và đơn vị thuộc Bộ.

3. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác cải cách hành chính của các đơn vị thuộc Bộ để có những giải pháp thích hợp nhằm đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; xây dựng và triển khai áp dụng Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính của Bộ; thường xuyên đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức.

4. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

5. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ gắn với các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín.

6. Huy động các nguồn lực, ưu tiên, bố trí kinh phí thường xuyên, đầy đủ, bảo đảm để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của Bộ, của Chính phủ.

7. Khen thưởng kịp thời, chính xác những đơn vị, cá nhân có thành tích và phê bình, xử lý nghiêm trách nhiệm của những đơn vị, cá nhân thực hiện chưa nghiêm túc nhiệm vụ cải cách hành chính.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc phối hợp chặt chẽ với tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Kế hoạch.

2. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Bộ, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, chủ động tham gia, phối hợp với cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện Kế hoạch.

3. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ

3.1. Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030, Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ giai đoạn 2026 - 2030, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm phù hợp với yêu cầu thực tế của từng đơn vị; báo cáo sơ kết, tổng kết, định kỳ theo hướng dẫn của Bộ.

3.2. Chủ động chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính được phân công, bảo đảm chất lượng, tiến độ đề ra theo kế hoạch cải cách hành chính hằng năm của Bộ, ngành.

3.3. Bố trí đầy đủ kinh phí để thực hiện các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ cải cách hành chính theo kế hoạch hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

3.4. Tăng cường phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước lĩnh vực phụ trách, chủ động đề xuất với Bộ các giải pháp, biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh để xóa bỏ các rào cản, giúp nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc phạm vi quản lý của đơn vị và của Bộ.

4. Ngoài các nhiệm vụ nêu tại điểm 3 mục IV, các đơn vị sau có trách nhiệm tham mưu, thực hiện theo sự phân công cụ thể như sau:

4.1. Vụ Tổ chức cán bộ

a) Hướng dẫn đôn đốc, kiểm tra và tổ chức thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ giai đoạn 2026 - 2030; tham mưu Bộ trưởng các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính; thực hiện nhiệm vụ thường trực công tác cải cách hành chính của Bộ.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị tổ chức thực hiện các nội dung chỉ đạo điều hành công tác cải cách hành chính, cải cách tổ chức bộ máy hành chính và cải cách chế độ công vụ của Bộ.

c) Tổng hợp báo cáo thực hiện kết quả công tác cải cách hành chính hàng quý, sáu tháng và hàng năm của Bộ gửi Bộ Nội vụ và lãnh đạo Bộ.

d) Chủ trì xây dựng, triển khai thực hiện phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của Bộ, ngành; Chủ trì xây dựng và triển khai thực hiện Bộ chỉ số cải cách hành chính đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại các đơn vị trực thuộc Bộ.

đ) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công tác cải cách hành chính thuộc Bộ.

e) Chủ trì đề xuất khen thưởng kịp thời, chính xác những đơn vị, cá nhân có thành tích và phê bình, kỷ luật những đơn vị, cá nhân thực hiện chưa nghiêm túc nhiệm vụ cải cách hành chính của Bộ.

g) Đến năm 2030, tiến hành sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030 và giai đoạn 2021 - 2030.

h) Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ đề lập, thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí hoạt động triển khai các nhiệm vụ, dự án, đề án về công tác cải cách hành chính của Bộ giai đoạn 2026-2030 theo quy định.

4.2. Vụ Pháp chế

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức thực hiện nội dung cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính của Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức rà soát, kiểm tra, hệ thống hóa, pháp điển, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức phổ biến giáo dục pháp luật về Nông nghiệp và Môi trường; tổ chức triển khai công tác theo dõi thi hành pháp luật và kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; đôn đốc, xây dựng báo cáo kết quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Bộ theo quy định.

c) Chủ trì tiếp nhận, phân công, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả việc xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính, hành vi hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ thông qua Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của Cổng thông tin điện tử của Chính phủ; Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng thông tin điện tử của Bộ.

d) Chủ trì thực hiện nội dung kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ về kiểm soát thủ tục hành chính tại các đơn vị trực thuộc Bộ.

4.3. Vụ Kế hoạch - Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức thực hiện nội dung cải cách tài chính công của Bộ; định kỳ báo cáo nội dung cải cách tài chính công của Bộ theo Kế hoạch.

b) Bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật.

4.4. Vụ Khoa học và Công nghệ

a) Tổng hợp, xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ công tác cải cách hành chính và phân bổ kinh phí để thực hiện.

b) Chủ trì theo dõi, đôn đốc việc triển khai Kế hoạch của Bộ thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ tiếp tục đẩy mạnh, áp dụng, cải tiến và mở rộng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của các đơn vị trực thuộc Bộ; thực hiện kiểm tra việc duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001: 2015 tại một số đơn vị trực thuộc Bộ.

4.5. Văn phòng Bộ

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ; chủ trì, theo dõi, đôn đốc thực hiện Quy chế làm việc của Bộ.

b) Chủ trì, phối hợp với Báo Nông nghiệp và Môi trường, Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của Bộ về công tác cải cách hành chính; đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng; hướng dẫn triển khai, tổ chức và định kỳ báo cáo việc thông tin, tuyên truyền các nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm của Bộ.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch kiểm tra, báo cáo việc thực hiện kế hoạch kiểm tra hàng năm của Bộ theo quy định.

4.6. Cục Chuyển đổi số

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số hàng năm của Bộ; tổ chức thực hiện việc ứng dụng và phát triển công nghệ số, thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ được giao bảo đảm chất lượng, tiến độ triển khai Chính phủ số, chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật lĩnh vực chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin; là đầu mối thống nhất về Kiến trúc số, dữ liệu nền tảng, thẩm định các dự án số, công nghệ thông tin của Bộ; chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ thực hiện và định kỳ báo cáo nội dung phát triển Chính phủ số của Bộ theo Kế hoạch./.

Phụ lục 1**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM
GIAI ĐOẠN 2026-2030 CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá
I	Giai đoạn 2026 - 2027			
1	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	95%	Văn phòng Bộ
2	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	100%	Cục Chuyển đổi số
3	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100%	Văn phòng Bộ
4	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	%	100%	Cục Chuyển đổi số
5	Tỷ lệ các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường phục vụ Chính phủ số được hoàn thành và đưa vào sử dụng thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo đúng kế hoạch	%	100%	Cục Chuyển đổi số
II	Giai đoạn 2028 - 2030			
1	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	%	95%	Văn phòng Bộ
2	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	90%	Cục Chuyển đổi số

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá
3	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	%	80%	Cục Chuyển đổi số
4	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	%	100%	Cục Chuyển đổi số
5	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn	%	100%	Cục Chuyển đổi số
6	Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS)	%	95%	Vụ Tổ chức cán bộ

Phụ lục 2
CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH				
1	Tăng cường thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính, tạo chuyển biến mạnh mẽ, tích cực về nhận thức, hành động và trách nhiệm trong toàn ngành, người dân, doanh nghiệp và xã hội	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ	Văn phòng Bộ; Báo Nông nghiệp và Môi trường; Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên trang, chuyên mục, bản tin, cuộc thi, tọa đàm....	Thường xuyên
2	Tiếp tục đổi mới công tác theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả cải cách hành chính thông qua công tác kiểm tra, bộ tiêu chí đánh giá việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại Bộ	Vụ Tổ chức cán bộ	Các cơ quan đơn vị trực thuộc Bộ	Kết quả kiểm tra; Kết quả việc thực hiện nhiệm vụ	Hàng năm
3	Triển khai đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ; các cá nhân, tổ chức	Kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính	Theo Đề án được phê duyệt
4	Tăng cường năng lực đội ngũ công chức thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2026- 2030	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Các lớp, hội nghị tập huấn; Tổ chức các đoàn đi học tập, nghiên cứu về công tác cải cách hành chính	2026-2030
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ				
1	Hoàn thiện hệ thống pháp luật, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và triển khai đồng bộ các giải pháp	Vụ Pháp chế	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Các Đề án, VBPPPL được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới	Theo Chương trình công tác của Bộ; Chương trình hành động của Chính phủ

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
2	Rà soát, sửa đổi Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành, bổ sung quy định: (i) kiểm soát biến động giá đất, đặc biệt là giá đất sản xuất kinh doanh, phi nông nghiệp; (ii) giao các địa phương dành quỹ đất đầu tư kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ để cho doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê; hỗ trợ tiền thuê lại đất cho các đối tượng doanh nghiệp trên	Cục Quản lý đất đai	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành được sửa đổi	2026-2027
3	Xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Vụ Pháp chế		Thường xuyên
4	Thực hiện thường xuyên, hiệu quả công tác kiểm tra, xử lý; rà soát, hợp nhất, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định	Vụ Pháp chế	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, xử lý VBQPPL; kết quả hợp nhất, hệ thống hóa VBQPPL	Thường xuyên
5	Thực hiện nghiêm trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Vụ Pháp chế		Thường xuyên
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
1	Kiểm soát chặt chẽ quy định thủ tục hành chính ngay từ khâu dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải thực sự cần thiết và đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện	Vụ Pháp chế	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Các kết quả thẩm định, đánh giá tác động TTHC	Thường xuyên
2	Rà soát, phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng	Vụ Pháp chế	Các đơn vị trực thuộc Bộ	- Các quyết định phê duyệt;	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
	chéo hoặc quy định chung chung, không rõ ràng. Kịp thời sửa đổi, bổ sung các văn bản để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			- Các văn bản QPPL được sửa đổi, bổ sung để thực thi.	
3	Tổ chức triển khai có hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu theo quy định tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 và các quy định khác có liên quan	Vụ Pháp chế	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Các nhiệm vụ được triển khai đúng tiến độ	2026-2030
4	Mở rộng hạ tầng, tiện ích thanh toán điện tử trong cung cấp dịch vụ công; kết nối đồng bộ với các hệ thống tài chính, ngân hàng, trung gian thanh toán	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Các tiện ích được hoàn thiện, cung cấp	2026-2030
5	Thực hiện việc số hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Các dữ liệu được số hóa, cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời.	Thường xuyên
6	Rà soát, hoàn thiện các quy định để nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; bảo đảm công khai, minh bạch, tối ưu hóa quy trình, nâng cao năng suất lao động, hiệu lực, hiệu quả quản lý, nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp	Văn phòng Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ		Thường xuyên
7	Tăng cường kiểm tra trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp	Văn phòng Bộ; Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Báo cáo kết quả kiểm tra	Theo kế hoạch hàng năm hoặc đột xuất
8	Thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và trong từng cơ quan hành chính nhà nước	Vụ Pháp chế	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Số liệu TTHC được cắt giảm, đơn giản hóa	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
9	Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thực hiện thủ tục hành chính, gắn với phân bổ nguồn lực, đề cao trách nhiệm thực thi của các cấp, các ngành theo hướng giảm việc giải quyết thủ tục của các cơ quan trung ương "Cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cấp đó giải quyết, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những nhiễu, tiêu cực"	Vụ Pháp chế	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành	2026-2030
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY				
1	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của bộ máy mới bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất, rõ ràng, không chồng chéo, thông suốt trong điều hành từ Trung ương đến cơ sở; tiếp tục hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; tiếp tục hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở cơ sở nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, trọng tâm vào lĩnh vực đất đai, bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Các nghị định của Chính phủ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định của Bộ trưởng	Thường xuyên
2	Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định pháp luật, giải quyết triệt để các vướng mắc phát sinh để vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp thông suốt, hiệu quả	Vụ Pháp chế; Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ; các Sở NNMT các địa phương	Luật, Nghị định, thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan	Năm 2026
3	Rà soát, hoàn thiện thể chế, tiếp tục phân cấp, phân quyền triệt để giữa Chính phủ, Thủ tướng	Vụ Pháp chế	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Luật, Nghị định, thông tư và các văn	2026-2030

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
	Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với chính quyền địa phương; giữa người đứng đầu bộ, ngành với chính quyền địa phương; giữa các cấp chính quyền địa phương theo hướng " <i>Trung ương tăng cường quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát; địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm</i> "			bản quy phạm pháp luật khác có liên quan	
4	Triển khai rà soát, nghiên cứu, đề xuất các phương án thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp, tổ chức trực thuộc Bộ	Số lượng cơ quan, đơn vị được sắp xếp	2026-2030
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ				
	Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế, quy định về công tác cán bộ và quản lý cán bộ đầy đủ, phù hợp với quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đồng bộ với công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Các Quyết định	2026-2030
1	Rà soát, sắp xếp, bố trí vị trí việc làm của công chức, viên chức	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Vụ Tổ chức cán bộ	Các vị trí được bố trí, sắp xếp	Năm 2027
2	Đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng đội ngũ CBCCVC bảo đảm đủ phẩm chất, trình độ và năng lực ngang tầm với nhiệm vụ sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Các khóa tập huấn, bồi dưỡng	2026-2030
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
1	Tổ chức triển khai có hiệu quả các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày	Vụ Kế hoạch – Tài chính	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Các văn bản, báo cáo; các văn bản đôn đốc, kiểm tra	2026-2030

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
	01/7/2025, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 và các quy định có liên quan. Tăng cường đôn đốc, kiểm tra công tác quản lý, sử dụng tài sản công, đặc biệt là việc sắp xếp, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau sắp xếp tổ chức bộ máy, vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp				
2	Rà soát, bố trí đủ kinh phí phục vụ số hóa tài liệu, đầu tư trang thiết bị, cải tạo cơ sở vật chất, đặc biệt ưu tiên các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa và những nơi hợp nhất, sáp nhập, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ	Vụ Kế hoạch – Tài chính	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Kinh phí được bố trí đủ Cơ sở vật chất được nâng cấp, trang bị	Thường xuyên
3	Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.	Vụ Kế hoạch – Tài chính	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Các định mức kinh tế - kỹ thuật được ban hành.	2026-2030
4	Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện sang mô hình doanh nghiệp; tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên	Vụ Kế hoạch – Tài chính	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền	2026-2030
VI	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ				
1	Hoàn thiện triển khai xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung; đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia để xây dựng cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, phục vụ chuyển đổi số quốc gia	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Hoàn thành các CSDL quốc gia; Các CSDL dùng chung của các bộ, ngành	Theo lộ trình của từng CSDL đã được phê duyệt
2	Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính,	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Hoàn thành, khai thác sử dụng.	2026-2030

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
	trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai				
3	Tổ chức triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia, bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Chiến lược được xây dựng, triển khai theo yêu cầu	2026-2030
4	Xây dựng và phát triển Trục liên thông văn bản quốc gia đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ; các địa phương	Hoàn thành, khai thác sử dụng.	2026-2030
5	Xây dựng, phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Bộ; Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ phục vụ công tác chỉ đạo điều hành	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Hoàn thành, khai thác sử dụng.	2026-2030